

Bài 2. GỖ CỬA TRÁI TIM

(12 tiết)

(Đọc và Tiếng Việt: 8 tiết, Viết: 3 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Nhận biết được ẩn dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ.
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.
- Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

II CHUẨN BỊ

1. Tri thức ngữ văn cho GV

Ngoài phần *Tri thức ngữ văn* trong SHS, GV có thể tham khảo thêm một số khái niệm sau:

Một số đặc điểm của thơ

– *Vần* là một phương tiện tạo tính nhạc và tính liên kết trong một dòng thơ và giữa các dòng thơ dựa trên sự lặp lại phần vần của tiếng ở những vị trí nhất định. Mỗi thể thơ sẽ có những quy định về vị trí đặt vần khác nhau tạo nên những quy tắc gieo vần khác nhau. Vần được gieo cuối dòng thơ, có tác dụng đánh dấu sự kết thúc của dòng thơ và tạo nên mối liên kết giữa các dòng gọi là vần chân (cước vận). Vần chân rất đa dạng: khi liên tiếp, khi gián cách,... và là hình thức gieo vần phổ biến nhất trong thơ. Ví dụ:

*Nếu ngọn gió nào dẫn con đến phương trời xa thăm
Con đừng quên lối về nhà
Nơi thung sâu khơi nguồn ngọn **gió**...*

*Nếu cánh chim nào chở con lên thăm mặt trời cháy **đỏ**
Con đừng quên lối về nhà
Nơi sớm chiều vẫn nhen ngọn **lửa**.*

(Trương Hữu Lợi, *Mái ấm ngôi nhà*)

Tiếng *gió* cuối dòng 3 bắt vần liên tiếp với tiếng *đỏ* cuối dòng 4. Tiếng *đỏ* cuối dòng 4 bắt vần gián cách với tiếng *lửa* cuối dòng 6.

Vần được gieo giữa dòng thơ gọi là vần lưng (yêu vận). Đây được cho là một hiện tượng đặc biệt của vận luật Việt Nam. Vần lưng khiến dòng thơ giàu tính nhạc. Ví dụ:

*Tôi lại về quê mẹ nuôi **xưa**
Một buổi **trưa**, nắng dài bãi cát.*

(Tố Hữu, *Mẹ Tơm*)

Tiếng *xưa* cuối dòng thơ trên bắt vần với tiếng *trưa* ở giữa dòng dưới.

– *Nhịp* là các chỗ ngừng ngắt trong một dòng thơ dựa trên sự lặp lại có tính chu kì số lượng các tiếng. Mỗi thể thơ có một nhịp điệu riêng. Nhà thơ sáng tác theo một thể thơ nhất định nhưng vẫn có thể tạo nên một nhịp điệu riêng cho mình để biểu đạt một ý nghĩa nào đó. Ví dụ: dòng thơ *Nửa chừng xuân/ thoát/ gãy cành thiên hương* (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*) ngắt nhịp 3/1/4, khác hẳn cách ngắt nhịp của dòng bát thông thường (nhịp 4/4). Sự sáng tạo này của Nguyễn Du nhằm thể hiện số phận đầy đau khổ, phải chết giữa tuổi thanh xuân đẹp đẽ như cành hoa gãy giữa lúc đương xuân của Đạm Tiên.

– *Thanh điệu* là thanh tính của âm tiết. Tiếng Việt là ngôn ngữ phong phú về thanh điệu (6 thanh điệu). Mỗi âm tiết tiếng Việt mang một thanh điệu nhất định. Thanh điệu tiếng Việt đối lập nhau ở hai cao độ cơ bản (đối lập về âm vực): cao độ cao và cao độ thấp. Thanh điệu cao bao gồm các thanh: thanh ngang, thanh sắc, thanh ngã; được phát âm ở âm vực cao. Thanh điệu thấp bao gồm các thanh: thanh huyền, thanh hỏi, thanh nặng; được phát âm ở âm vực thấp.

– *Âm điệu* là đặc điểm chung của âm thanh trong bài thơ, được tạo nên từ vần, nhịp, thanh điệu và các yếu tố khác của âm thanh ngôn ngữ trong bài thơ.

– Thơ thuộc loại hình trữ tình, tức là thể hiện tình cảm, cảm xúc. “Thơ là người thư kí trung thành của những trái tim” (Đuy-bờ-lây). Qua mỗi dòng thơ, nhà thơ bộc lộ thế giới nội tâm, tình cảm với con người, thiên nhiên,... – nguồn cảm hứng bất tận của thi sĩ. Thơ có thể có yếu tố tự sự, miêu tả nhưng những yếu tố đó vẫn được lồng trong thế giới ngôn từ hàm súc, giàu tính nhạc, hình ảnh và tràn đầy cảm xúc. Mỗi bài thơ thường có một *mạch cảm xúc* xuyên suốt, được thể hiện qua hình thức nghệ thuật.

– Để biểu lộ cảm xúc, nhà thơ cũng thường xây dựng hình tượng nhân vật trữ tình, phương thức bộc lộ ý thức tác giả. Nhân vật trữ tình được xác định là con người đồng dạng của tác giả – nhà thơ – hiện ra từ VB thơ như một con người có đường nét hay một vai sống động có số phận cá nhân, có thế giới nội tâm, thậm chí có phác thảo chân dung. Tuy nhiên, không được đồng nhất nhân vật trữ tình với tác giả, vì, theo Bê-lin-ski, trong thơ trữ tình, nhà thơ xuất hiện như người cất lên tiếng nói “đại diện cho xã hội, thời đại và nhân loại”, nâng mình lên trên đời thường cá biệt.

Nhân hoá

Nhân hoá là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt, chẳng hạn:

*Núi cao chi lắm núi ơi
Núi che mặt trời chẳng thấy người thương.*

(Ca dao)

Ẩn dụ

– *Ẩn dụ* là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Nét tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng phụ thuộc vào cảm nhận chủ quan của người sử dụng ẩn dụ. Chẳng hạn, trong dòng thơ *Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng* (Nguyễn Khoa Điềm), ẩn dụ *mặt trời của mẹ* dựa trên nét tương đồng giữa đứa con nằm trên lưng mẹ với mặt trời.

Nét tương đồng này (con cũng giống như mặt trời toả sáng, như nguồn sống của mẹ) có được là do sự liên tưởng của nhà thơ, chứ bản thân hai sự vật này xét về mặt khách quan (đứa con và mặt trời) thì không có gì giống nhau.

– Lưu ý:

+ *Ẩn dụ* thường chỉ được đề cập đến như một biện pháp tu từ. HS cũng thường được cung cấp kiến thức về ẩn dụ như một biện pháp tu từ. Tuy vậy, ẩn dụ còn là một phương thức chuyển nghĩa của từ. Khi sự chuyển đổi tên gọi (gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó) làm thay đổi ý nghĩa của từ, làm cho từ có thêm nghĩa mới, được dùng phổ biến (thường được ghi vào từ điển) thì ẩn dụ không còn là biện pháp tu từ nữa mà trở thành phương thức chuyển nghĩa của từ. Chẳng hạn, từ *chân* vốn chỉ một bộ phận cơ thể của người hay động vật nói chung. Nhưng từ *chân* còn được dùng để chỉ những sự vật có nét tương đồng (về hình dáng, vị trí, chức năng,...) với bộ phận cơ thể đó như *chân* trong *chân bàn*, *chân ghế*, *chân tóc*, *chân núi*,... Nghĩa này của từ *chân* được dùng phổ biến và được giải thích trong các từ điển tiếng Việt. Như vậy, tuy SHS chỉ tập trung vào ẩn dụ như một biện pháp tu từ, vì HS chỉ cần biết loại ẩn dụ này để thực hành đọc, viết, nói và nghe, nhưng GV cần biết thêm ẩn dụ còn là một phương thức chuyển nghĩa của từ.

+ *Nhân hoá* thực chất cũng là một loại ẩn dụ. Ẩn dụ này dựa trên nét tương đồng giữa sự vật (không phải là người) với con người, lấy thuộc tính của người để gán cho sự vật (không phải là người), chẳng hạn: *gió thì thâm*, *sóng gào thét*. Tuy vậy, do đặc trưng nổi bật của nó mà nhân hoá vẫn được xem như một biện pháp tu từ riêng.

Diệp ngữ

Diệp ngữ là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh, chẳng hạn:

*Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.*

(Ca dao)

Đại từ

Ở Tiểu học (lớp 5), HS đã được học đặc điểm và chức năng của đại từ. Đại từ thường dùng để xưng hô (*tôi, chúng tôi, chúng ta*,...); để hỏi (*ai, gì, bao nhiêu, mấy, thế nào*,...);... Bài tập tiếng Việt trong bài học này liên quan đến cách dùng *bạn tớ* trong sự phân biệt với các đại từ nhân xưng khác cũng thuộc ngôi thứ nhất số nhiều như *chúng tôi, chúng ta*,...

▣ Tài liệu tham khảo

GV có thể tham khảo một số tài liệu về Ngữ văn (ngôn ngữ, văn học) để bổ sung tri thức về các đặc trưng của thơ ca, các thuật ngữ về thơ trữ tình; cũng như các tài liệu về Ta-go, Xuân Quỳnh như:

- Trần Đình Sử, *Dẫn luận thi pháp học văn học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 2017;
- Lê Bá Hán – Trần Đình Sử – Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Sđd, 2004;
- Hà Minh Đức (Chủ biên), *Lí luận văn học*, NXB Giáo dục, 1999;

- Đinh Trọng Lạc, *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1994;
- R. Ta-go, *Tuyển tập tác phẩm R. Ta-go*, NXB Lao động, Hà Nội, 2004;
- Nhật Chiêu – Hoàng Hữu Đản, *R. Ta-go – người tình cuộc đời*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1991;
- Đông Mai, *Xuân Quỳnh – một nửa cuộc đời tôi*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.

2. Phương tiện dạy học

Để phục vụ tốt cho việc dạy học bài 2. *Gõ cửa trái tim*, GV nên chuẩn bị những phương tiện dạy học như đoạn phim ngắn (ngâm thơ, đọc thơ), tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học.